

**CÔNG TY TNHH MTV
THƯƠNG MẠI ĐỒNG TÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10../2023/CV-KD/TMDT
V/v đề nghị công bố giá sản phẩm,
hàng hóa Gạch Gốm Ốp Lát định kỳ
tại Sở Xây dựng

Long An, ngày 20 tháng 02 năm 2023

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: <u>22</u> - <u>02</u> - <u>2023</u>
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Lời đầu tiên, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Cơ quan.

Thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Nay, bằng Công văn này, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa Gạch Gốm Ốp Lát định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định tại Điều 6, Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13 (đính kèm);
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp (đính kèm);
3. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố theo quy định tại Điều 23 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 (đính kèm);
4. Nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2017 (đính kèm);
5. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 28, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
6. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (VLXD nhóm 2), còn phải có các tài liệu sau theo quy định tại Điều 28, Điều 34, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng:
 - Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định (đính kèm).
 - Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu (đính kèm).
 - Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (đính kèm).
 - Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (đính kèm).

7. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (đính kèm);
8. Thông tin về địa điểm đặt trụ sở chính và nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố, thông tin liên lạc của người phụ trách đăng ký công bố giá:
- Trụ sở chính: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI ĐỒNG TÂM**
Địa chỉ: Số 07, Khu phố 6, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
 - Địa chỉ sản xuất:
 - **Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Vật liệu xây dựng Đồng Tâm**
Địa chỉ: Số 07, Khu phố 6, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
 - **Công ty Cổ phần Đồng Tâm Dotalia**
Địa chỉ: Số 02, Quốc lộ 1, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
 - **Công ty CP Đồng Tâm - Miền Trung**
Địa chỉ: Lô 3, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
 - Địa chỉ chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm (tỉnh Long An)
Địa chỉ: 258 Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Thông tin liên lạc người phụ trách:
Ông Lê Hồng Sang – Nhân viên phụ trách đăng ký giá
Số điện thoại: 0933 000 101
Email: sanglh@dongtam.com.vn

9. Mức giá đăng ký thực hiện từ ngày 01/02/2023 - 31/12/2023.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT_(maitn-03b).

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI ĐỒNG TÂM
GIÁM ĐỐC KINH DOANH DỰ ÁN



Đinh Ngọc Hòa

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 10./2023/CV-KD/TMĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm)

1. Mức giá niêm yết:

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá theo khu vực/ thành phố/ quận/ huyện (trước thuế VAT)/ (VN Đồng)			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Khu vực ¹ TP.HCM				
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[...]	[...]
1	Gạch Ceramic men mờ: Mã số: 2525BAOTHACH001, 2525CARARAS002, 2525TAMDAO001	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIIa Kích thước: (25 x 25) cm	147.182	147.182	0	Sản xuất tại Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tâm - Số 7, KP6, Thị Trấn Bến Lức, Long An	
2	Gạch Ceramic men mờ: Mã số: 3030BANA001,3030NGOCTRAI001, 3030NGOCTRAI002, 3030TAMDAO001, 3030SAND002, 3030ROME002, 3030VENU002LA, 3030ANDES003, 3030TIENSA001,3030TIENSA003	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIIa Kích thước: (30 x 30) cm	177.273	177.273	0		
3	Gạch Ceramic men mờ: Mã số: 3030ANDES001	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIIa Kích thước: (30 x 30) cm	199.182	199.182	0		
4	Gạch Granite men mờ đồng chất: Mã số: 3030GECKO001,3030GECKO002 3030GECKO003,3030GECKO004	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIIa Kích thước: (30 x 30) cm	210.000	210.000	0		
5	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 2540CARARAS001,	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (25 x 40) cm	128.182	128.182	0		
6	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 25400, 2540BAOTHACH001, 2540TAMDAO001, 2540CARARAS002,	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (25 x 40) cm	156.363	156.363	0		
7	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 2540CARARAS001	m2		147.182	147.182	0		
8	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 300, 345, 387	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIIa Kích thước: (30x30) cm	162.545	162.545	0		
9	Gạch Ceramic men mờ: Mã số: 3060COTTON001, 3060RETRO001, 3060RETRO002, D3060RETRO001,3060TIENSA003	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (30 x 60) cm	244.545	244.545	0		
10	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 3060AMBER001, 3060AMBER005,3060AMBER007 3060AMBER008,3060DELUXE001 3060DELUXE002,3060DELUXE003, 3060DELUXE004,3060DELUXE005 3060DELUXE006,3060DELUXE007 3060DELUXE008,3060DELUXE009 3060ROXY001, 3060ROXY002, 3060ROXY003, 3060ROXY004, 3060ROXY005, 3060ROXY006, 3060SNOW001	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (30 x 60) cm	244.545	244.545	0		
11	Gạch Granite men mờ, Nhóm BIII Mã số: 3060VAMCOATY001, 3060VAMCOATY002, 3060VAMCOATY003 3060VAMCOATY004 3060VAMCOATY005 3060VAMCOATY006	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (30 x 60) cm	200.000	200.000	0		

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

12	Gạch Granite men mờ: Mã số: 4040CLG001, 4040CLG002 4040SAPA001, 4040THACHANH001 4040DASONTRA001LA, 4040GREENER002, 4040GREENER003 4040GREENER004, 4040GREENER005 COTTOLA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (40 x 40) cm	196.272	196.272	0	Sản xuất tại Công ty Cổ Phân Đồng Tâm Dotalia - Số 2, Quốc Lộ 1, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Long An	
13	Gạch Granite men mờ: Mã số: 4040THACHANH001, 4040THACHANH002, 4040THACHANH003, 4040THACHANH004, 4040THACHANH006, 4040THACHANH008,	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (40 x 40) cm	215.818	215.818	0		
14	Gạch Granite men mờ: Mã số: 4040GECKO001, 4040GECKO002 4040GECKO003, 4040GECKO004	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (40 x 40) cm	224.000	224.000	0		
15	Gạch Granite men mờ đồng chất: Mã số: 4GA01	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (40 x 40) cm	249.272	249.272			
16	Gạch Granite men mờ đồng chất: Mã số: 4GA43	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (40 x 40) cm	264.000	264.000			
17	Gạch Granite men mờ: Mã số: 6060VAMCODONG001-FP, 6060VAMCODONG002-FP, 6060VAMCODONG003-FP, 6060VAMCOTAY001, 6060VAMCOTAY002, 6060VAMCOTAY003,	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (60x60) cm	220.000	220.000	0		
18	Gạch Granite men bóng: Mã số: 6060DA004-FP, 6060DA005-FP 6060DA007-FP, 6060DA012-FP, 6060DA004QN-FP, 6060DA005QN-FP 6060DA007QN-FP, 6060DA012QN-FP	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (60x60) cm	244.454	244.454	0		
19	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 469, 475, 481, 483, 484, 485	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1la Kích thước: (40x40) cm	157.545	157.545	0		
20	Gạch Ceramic men mờ: Mã số: 456, 462, 467	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1la Kích thước: (40x40) cm	157.545	157.545	0		
21	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 426	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1la Kích thước: (40x40) cm	168.272	168.272	0		
22	Gạch Ceramic men bóng: Mã số: 428	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1la Kích thước: (40x40) cm	189.000	189.000	0		

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

23	Gạch Granite men mờ: Mã số: 3060PHUQUY001,3060PHUQUY002 3060PHUQUY003,3060PHUQUY004 3060PHUQUY001QN, 3060PHUQUY002QN, 3060PHUQUY003QN, 3060PHUQUY004QN, 3060SAHARA005,3060SAHARA006 3060SAHARA007,3060SAHARA008 3060SAHARA009,3060SAHARA010 3060SAHARA011,3060SAHARA012 3060TAYBAC011QN, 3060TAYBAC012QN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (30 x 60) cm	250.000	250.000	0	Sản xuất tại Công ty Cổ Phân Đồng Tâm Miền Trung - Lô 3, Khu Công Nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Quảng Nam	
24	Gạch Granite men mờ: Mã số: 3060GECKO001,3060GECKO001 3060GECKO003,3060GECKO004 3060GECKO005,3060GECKO006 3060GECKO007,3060GECKO008	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (30 x 60) cm	299.091	299.091			
25	Gạch Granite men mờ đồng chất: Mã số: 3060VICTORIA001, 3060VICTORIA002, 3060VICTORIA003, 3060VICTORIA004, 3060VICTORIA005	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (30 x 60) cm	359.454	359.454			
26	Gạch Ceramic men bóng kháng khuẩn: Mã số: 4080ROXY001-H+, 4080ROXY003-H+, 4080AMBER001- H+, 4080REGAL001-H+, 4080REGAL003-H+, 4080REGAL008- H+, 4080CARARAS001-H+, 4080FAME001-H+,4080FAME002-H+ 4080FAME003-H+,4080FAME004-H+	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (40 x 80) cm	295.272	295.272	0		
27	Gạch Granite men mờ: Mã số: 6060BINHTHUAN001, 6060BINHTHUAN001, 6060BINHTHUAN002, 6060MOMENT001,6060MOMENT002 6060MOMENT003,6060MOMENT004 6060TPHUSA002QN, 6060TAMDAO001,6060TAMDAO002 6060TAMDAO001QN, 6060VENUS001	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (60x60) cm	233.363	233.363	0		
28	Gạch Granite men mờ: Mã số: 6060MOMENT002, 6060MOMENT010,6060MOMENT011 6060MOMENT010QN, 6060WS013,6060WS014	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (60x60) cm	247.181	247.181	0		
29	Gạch Granite mài men: Mã số: 6060HAIVAN001-FP, 6060HAIVAN003-FP, 6060HAIVAN004- FP, DTD6060TRUONGSON002-FP, DTD6060TRUONGSON003-FP, DTD6060TRUONGSON004-FP, DTD6060TRUONGSON005-FP, DTD6060TRUONGSON007-FP, DTD6060CARARAS002-FP	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (60x60) cm	257.818	257.818	0		
30	Gạch Granite mài men: Mã số: DTS6060BRIGHT001-FP, DTD6060TRUONGSON001-FP, 6060SNOW001-FP, 6060HAIVAN005- FP, 6060HAIVAN006-FP, 6060HAIVAN007-FP	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (60x60) cm	285.545	285.545	0		
31	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 6060DB006-NANO, 6060DB014- NANO, 6060DB038-NANO	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm BIII Kích thước: (60x60) cm	288.909	288.909	0		

33-C
H H
H VI
3 M
T M
T. L

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

32	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 6060DB032-NANO, 6060DB034-NANO, 6060MARMOL002-NANO,	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (60x60) cm	308.364	308.364	0
33	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 6060MARMOL005-NANO	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (60x60) cm	327.818	327.818	0
34	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 6060PLATINUM001, 6060PLATINUM002, 6060PLATINUM003	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (60x60) cm	418.091	418.091	0
35	Gạch Granite men mờ kháng khuẩn: Mã số: DTD8080NAPOLEON001-H+, DTD8080NAPOLEON002-H+, DTD8080NAPOLEON003-H+, DTD8080NAPOLEON004-H+, 8080NAPOLEON005-H+, 8080NAPOLEON006-H+, 8080NAPOLEON007-H+	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (80x80) cm	314.091	314.091	0
36	Gạch Granite mài men kháng khuẩn: Mã số: DTD8080TRUONGSON001-FP-H+, DTD8080TRUONGSON002-FP-H+, DTD8080FANSIPAN001-FP-H+, 8080FANSIPAN002-FP-H+, 8080FANSIPAN004-FP-H+, 8080FANSIPAN005-FP-H+, 8080CARARAS001-FP-H+	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (80x80) cm	344.545	344.545	0
37	Gạch Granite mài men: Mã số: DTD8080TRUONGSON003-FP	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (80x80) cm	344.545	344.545	0
38	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 8080DB100-NANO, 8080DB006-NANO	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (80x80) cm	359.363	359.363	0
39	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 8080DB032-NANO	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (80x80) cm	395.454	395.454	0
40	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 8080MARMOL005-NANO, 8080DB038-NANO	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (80x80) cm	431.727	431.727	0
41	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 8080PLATINUM001, 8080PLATINUM002, 8080PLATINUM003	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (80x80) cm	600.000	600.000	0
42	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 100DB016-NANO	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (100x100) cm	583.000	583.000	0
43	Gạch Granite bóng kiếng: Mã số: 100MARMOL005-NANO, 100DB038-NANO	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (100x100) cm	572.818	572.818	0
44	Gạch Granite men mờ kháng khuẩn: Mã số: 100ROME002-H+ 100ROME002-H+	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (30x60) cm	500.000	500.000	0
45	Gạch Granite bóng kiếng kháng khuẩn: Mã số: 60120LANGBIANG001FP-H+, 60120NILE001-H+, 60120SNOW001-FP-H+,	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (30x60) cm	546.272	546.272	0
46	Gạch Granite bóng kiếng kháng khuẩn: Mã số: 60120LANGBIANG002FP-H+, 60120LANGBIANG003FP-H+	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7745:2007; Nhóm B1a Kích thước: (30x60) cm	666.636	666.636	0

- Mức giá kê khai này được thực hiện từ ngày 01/02/2023 đến ngày 31/12/2023.

- Giá trên đã bao gồm phí vận chuyển đến Khu vực tại TP.HCM

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Đồng Tâm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

CÔNG TY TNHH MTV TM ĐỒNG TÂM
GIÁM ĐỐC KINH DOANH DỰ ÁN



Dinh Ngọc Hòa



¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực